CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2

Ngày 31/12/2024	7,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.0%	**-2.6%**	**-**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
Số lượng CPLH (CP)	10,975,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.64
EPS	507
P/E	15.0

DT thuần
Q4/24
100
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.5| 83.6%
YoY: ▲ 23.9| 31.5%

LN thuần
Q4/24
2.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.01| 54.2%
YoY: ▲ 2.04| 245%

LN sau thuế
Q4/24
2.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.79| 58.3%
YoY: ▲ 1.57| 275%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
8.1%
YoY: +/-▼ 6.5%

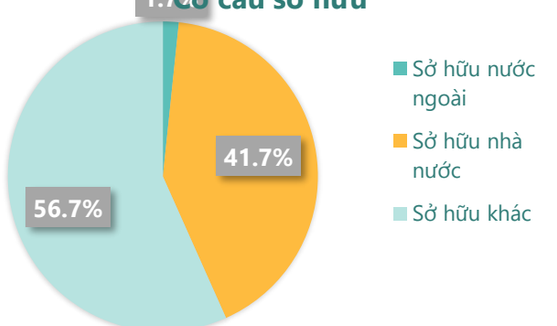
ROE
2024
5.6%
YoY: +/-▲ 4.3%

DT thuần
2024
250
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0| 19.2%

LN thuần
2024
8.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.18| 99.4%

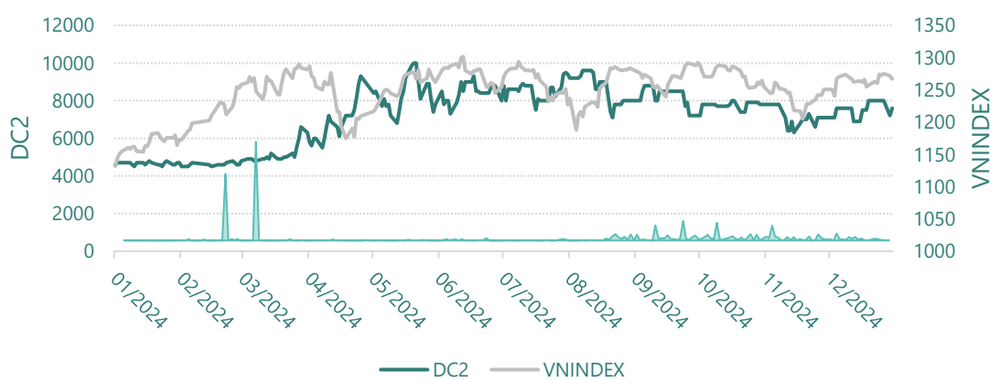
LN sau thuế
2024
5.56
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.54| 446%

Cơ cấu sở hữu

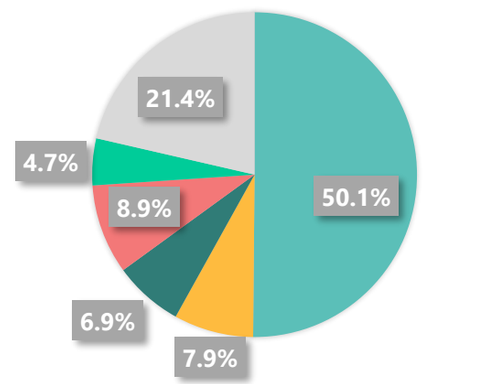


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



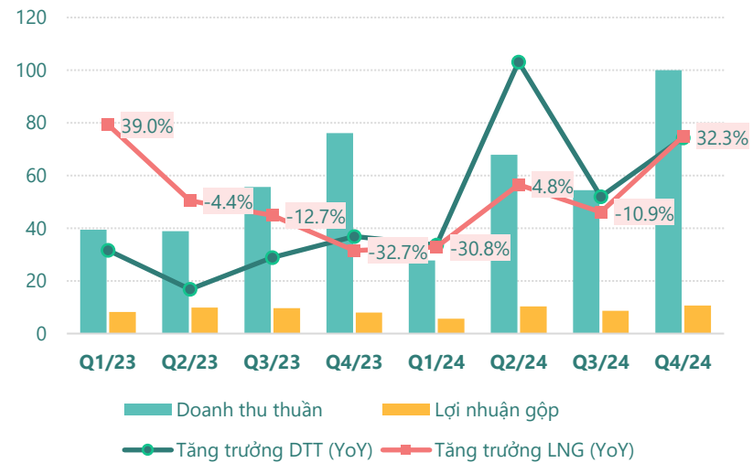
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

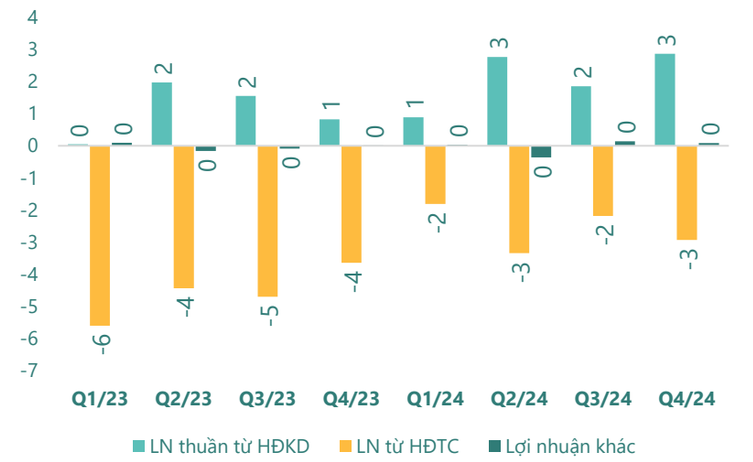
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



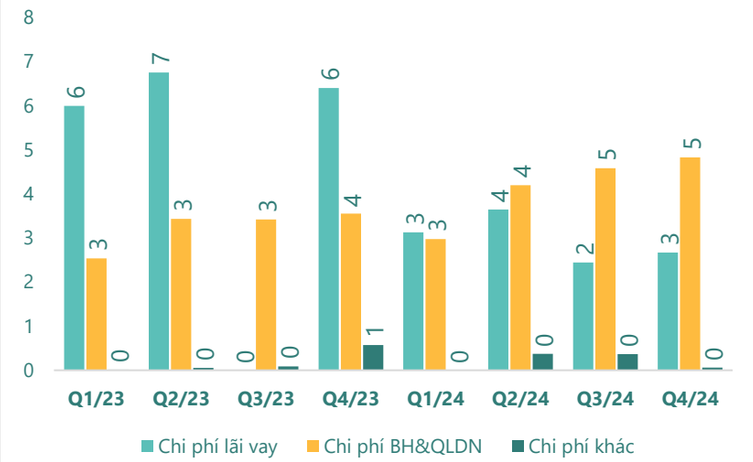
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



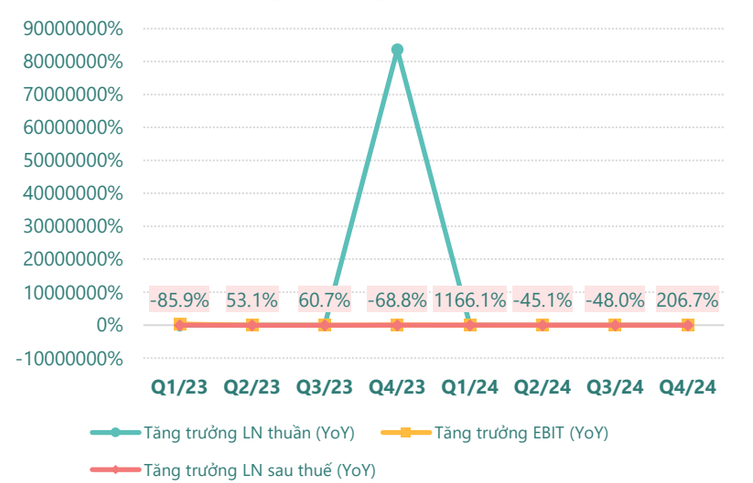
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



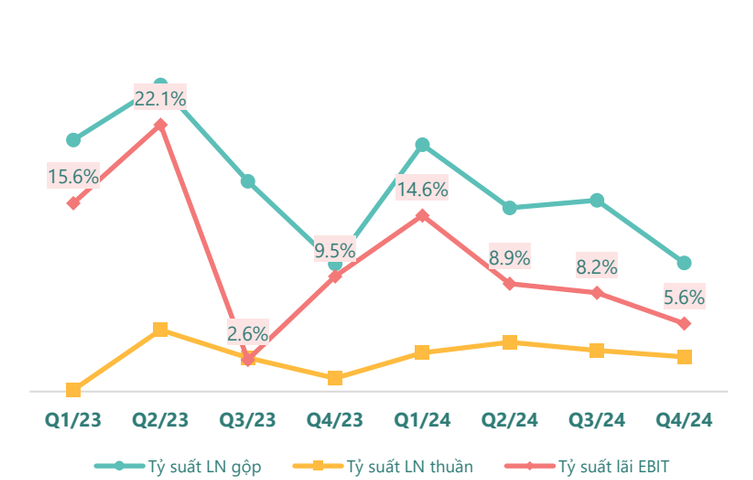
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



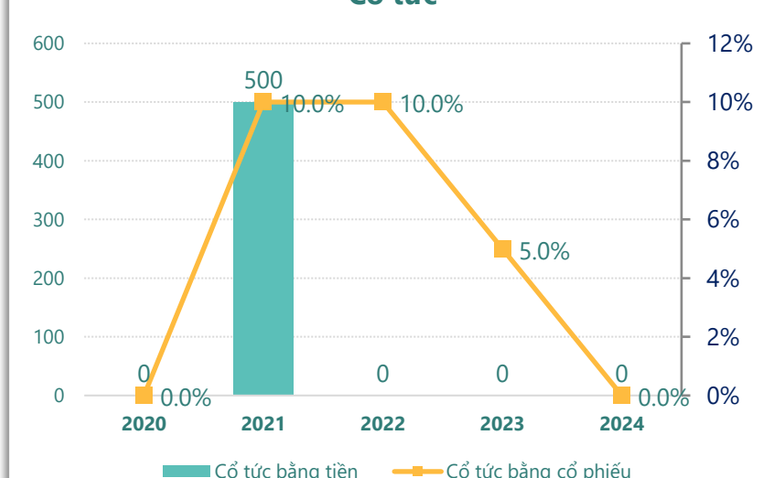
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

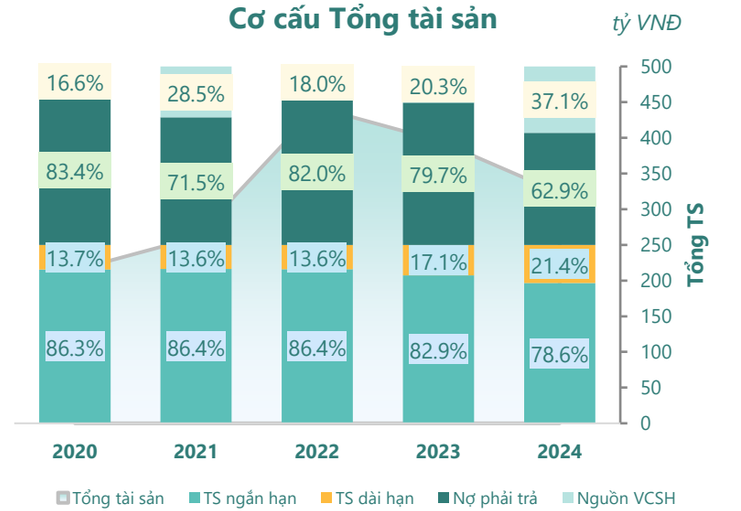
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

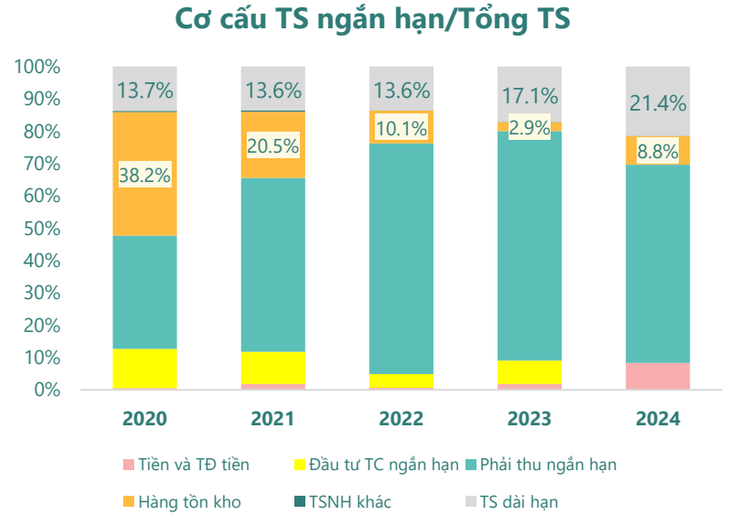
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



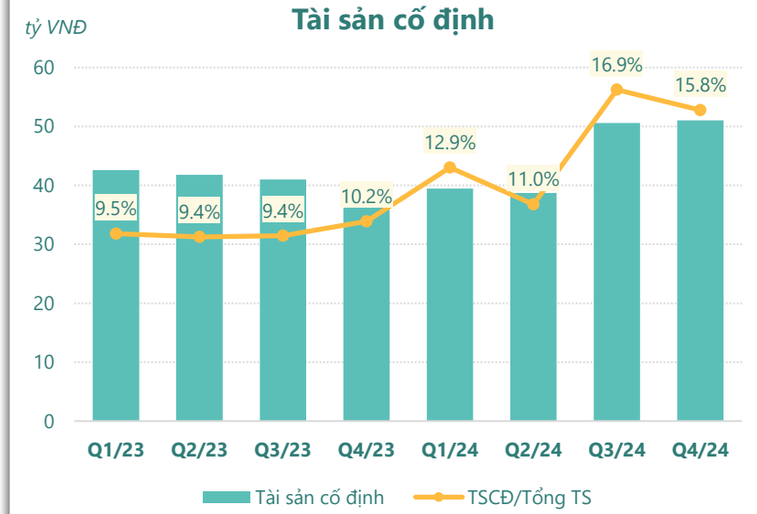
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



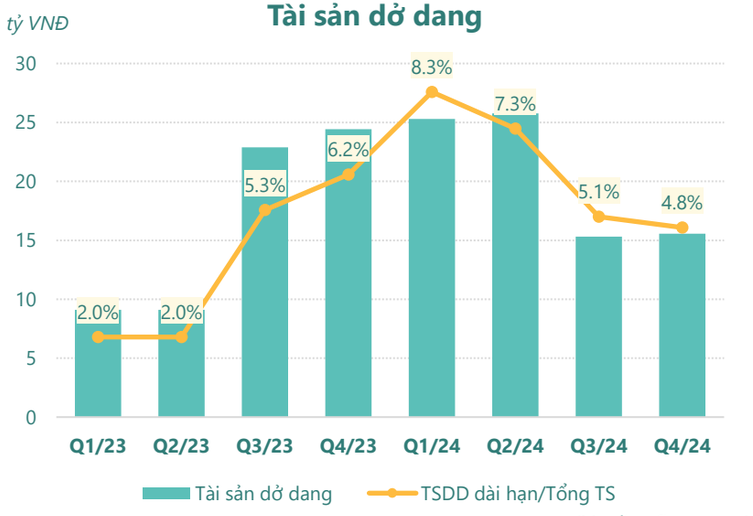
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



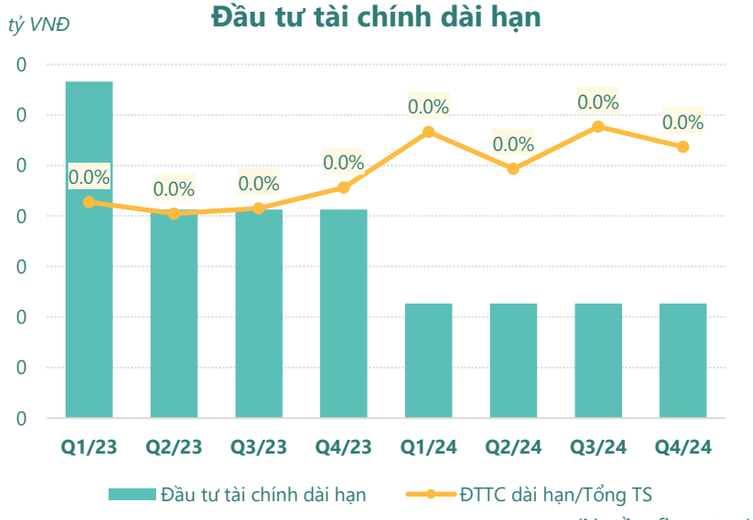
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



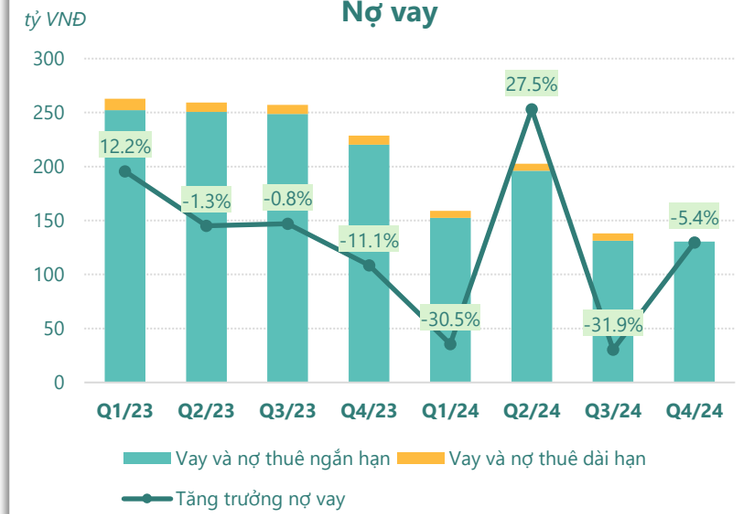
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

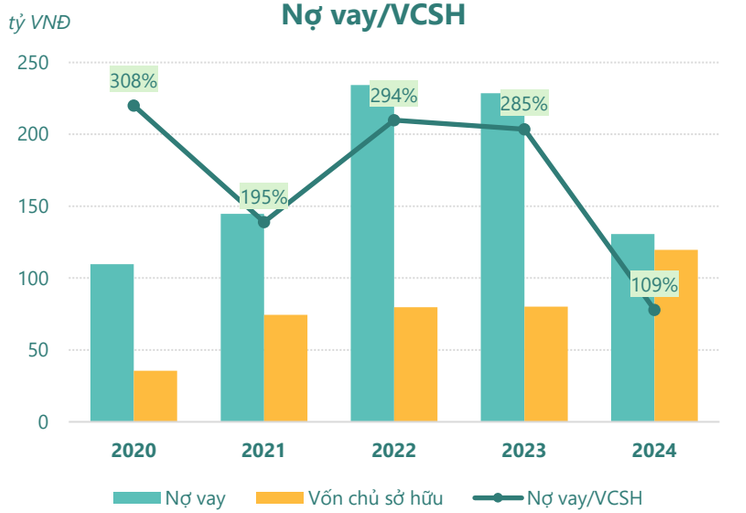
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

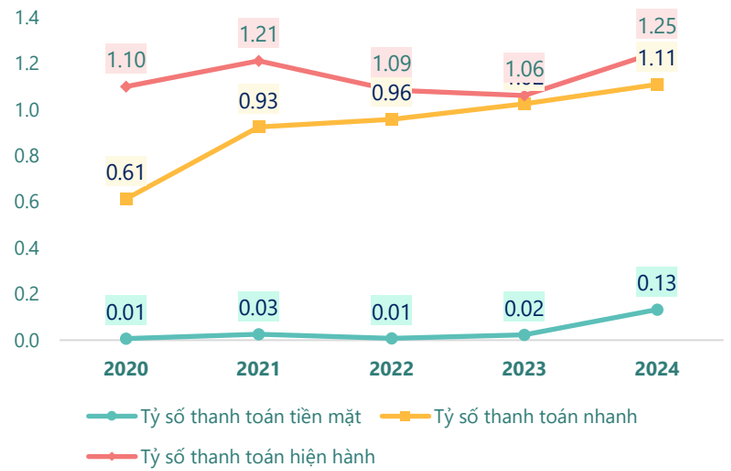
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



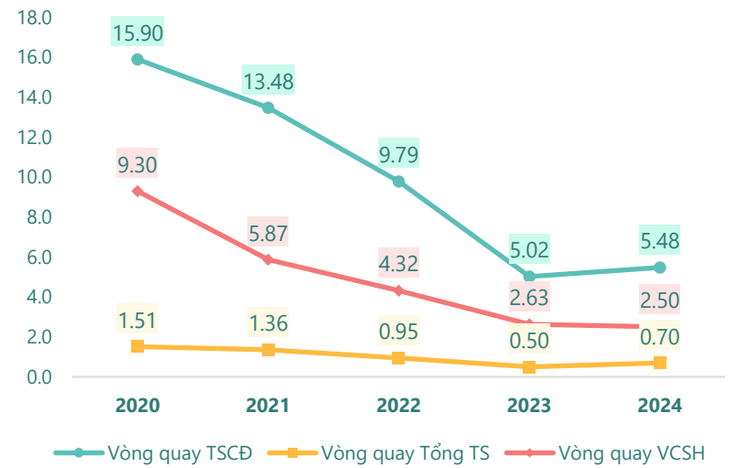
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



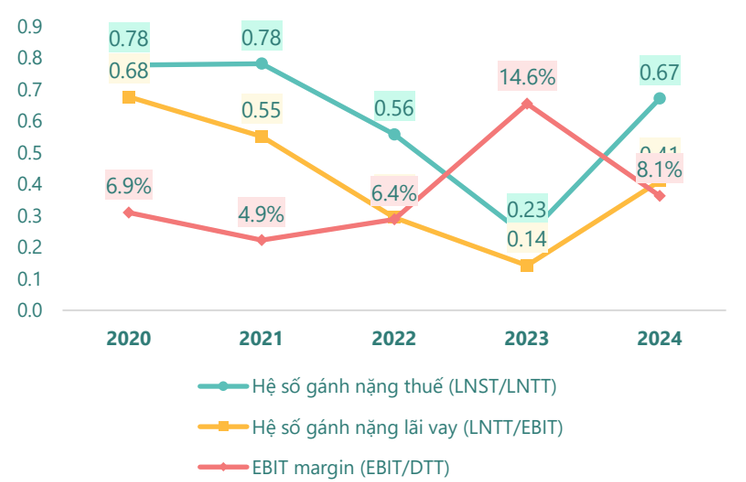
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



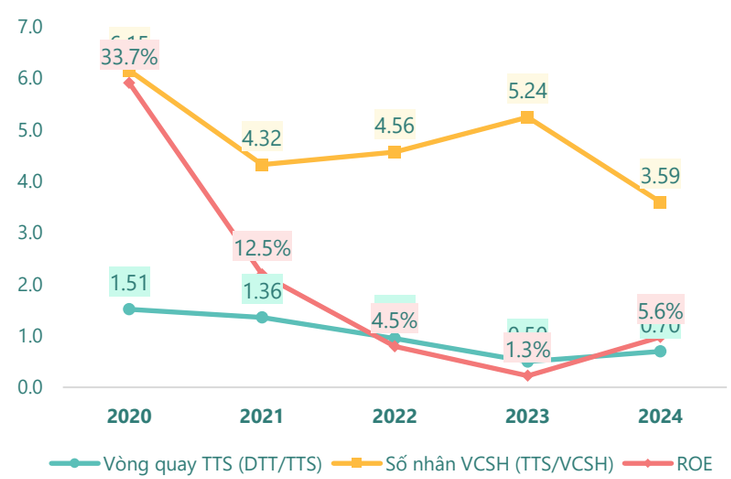
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



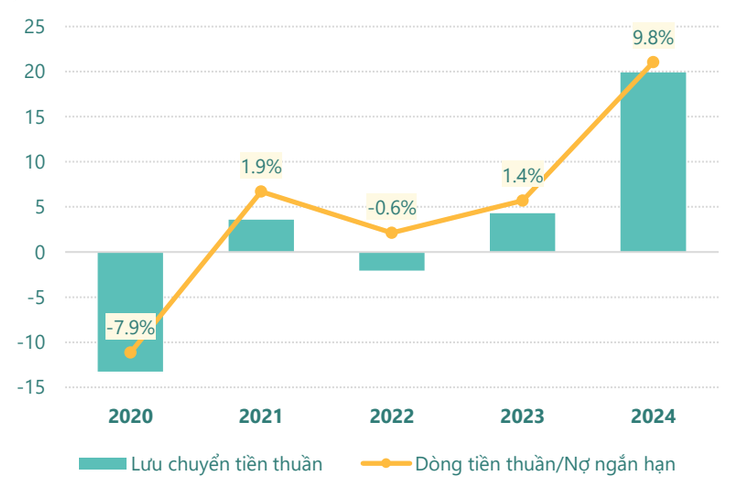
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**100**	**76.1**	**31.5%**	**250**	**210**	**19.2%**
Giá vốn hàng bán	89.4	68.0	31.5%	215	174	23.7%
Lợi nhuận gộp	10.6	8.03	32.4%	35.2	36.1	-2.4%
Doanh thu HĐTC	-0.27	2.75	-110%	1.61	7.79	-79.3%
Chi phí TC	2.67	6.40	-58.3%	11.9	26.6	-55.3%
Chi phí lãi vay	2.67	6.40	-58.3%	11.9	26.2	-54.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.03	-100%	0.04	0	
Chi phí QLDN	**4.83**	**3.52**	**37.1%**	**16.5**	**13.1**	**26.7%**
LN thuần từ HĐKD	2.87	0.83	245%	8.38	4.20	99.4%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.01**	**720%**	**-0.11**	**0.14**	**-177%**
LN trước thuế	2.95	0.84	251%	8.28	4.34	90.5%
Lợi nhuận sau thuế	**2.14**	**0.57**	**275%**	**5.56**	**1.02**	**446%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.14**	**0.57**	**275%**	**5.56**	**1.02**	**446%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.06	30.2	71.7	-53.1	66.9	-30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.00	4.92	-5.58	29.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.16	-28.9	-73.0	47.0	-64.7	26.7
Tiền đầu kỳ	7.79	5.69	6.99	5.71	4.53	1.15
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.10**	**1.30**	**-1.29**	**-1.17**	**-3.39**	**25.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.69	6.99	5.71	4.53	1.15	26.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**322**	**396**	**-18.6%**
Tài sản ngắn hạn	253	328	-22.8%
Tiền và tương đương tiền	26.9	6.99	285%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	29.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	198	281	-29.6%
Hàng tồn kho	28.4	11.3	152%
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.14	153%
Tài sản dài hạn	**69.1**	**67.8**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	0.04	0.01	300%
Tài sản cố định	51.0	40.2	26.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.6	24.4	-36.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.37**	**3.09**	**-23.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	203	316	-35.8%
Nợ ngắn hạn	**203**	**309**	**-34.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	131	222	-41.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.9	68.0	-25.1%
Nợ dài hạn	0	6.63	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	6.63	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**120**	**80.2**	**49.2%**
Vốn chủ sở hữu	**120**	**80.2**	**49.2%**
Vốn điều lệ	110	75.6	45.3%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)